

## 40-GIỚI KHÔNG BỆNH MÀ NHÓM LỬA

Khi Phật an trú tại vườn ông Cấp-cô-độc, rừng cây Kỳ-đà, thành Xá-vệ. Lúc này, người đời dốc tín cung kính tôn trọng cúng dường y phục, thực phẩm, sàng tọa và thuốc chữa bệnh (thuốc bổ). Trong khi ấy, những người xuất gia ngoại đạo cũng đang ở tại thành Xá-vệ nhưng không được người đời cung kính tôn trọng cúng dường y phục, thực phẩm, sàng tọa và thuốc chữa bệnh. Do thế, nhiều người xuất gia ngoại đạo tập hợp tại nhà luận nghị, bàn luận như sau: “Sa-môn Cù-đàm này đang ở tại vườn ông Cấp-cô-độc, rừng cây Kỳ-đà, thành Xá-vệ được người đời thâm tín cung kính tôn trọng cúng dường y phục, thực phẩm, sàng tọa và thuốc chữa bệnh nhưng chúng ta không được tôn trọng cung kính cúng dường y phục, thực phẩm, sàng tọa và thuốc chữa bệnh. Vậy ai có thể đến xuất gia sống trong giáo pháp của Sa-môn Cù-đàm tu tập phạm hạnh, tụng đọc giáo pháp của ông ta, rồi trở về lần lượt dạy lại chúng ta, để chúng ta cũng được cúng dường giống như ông ta?”.

Khi các ngoại đạo luận bàn như thế rồi, cùng bảo nhau: “Tu-thâm-ma là người ưu tú bậc nhất trong hội chúng của chúng ta nên có thể sai ông đến xuất gia trong giáo pháp của Sa-môn Cù-đàm, thọ giới luật của Cù-đàm, rồi về lại...”. Thế rồi, các ngoại đạo nói với Tu-thâm-ma: “Sa-môn Cù-đàm đang sống tại Tinh xá Kỳ-hoàn được nhiều người tôn trọng cúng dường, còn chúng ta thì không được lợi ích như thế. Nay ông nên đến xuất gia trong giáo pháp Sa-môn Cù-đàm tu tập phạm hạnh, đọc tụng kinh điển của ông ấy, rồi trở về trong giáo pháp của ta, lần lượt dạy lại nhau, để chúng ta cũng được cúng dường giống như ông ấy”.

Tu-thâm-ma nghe lời đề cử rồi, liền ra khỏi thành Xá-vệ, đi đến Tinh xá Kỳ-hoàn. Khi tới cổng Tinh xá, thấy các Tỳ-kheo đang kinh hành, ngồi thiền, Tu-thâm-ma liền đến chỗ các Tỳ-kheo thăm hỏi, rồi ngồi sang một bên, nói: “Tôi vốn là ngoại đạo nay muốn xuất gia, thọ Cụ Túc trong giáo pháp của Như Lai thì ở đây phải làm thế nào?”. Các Tỳ-kheo đáp: “Nếu gốc gác là ngoại đạo mà muốn xuất gia trong giáo pháp của Như Lai, thì phải được thử thách qua bốn tháng. Qua bốn tháng thử thách mà các Tỳ-kheo thấy hợp ý thì sẽ cho xuất gia”.

Khi ấy, Tu-thâm-ma liền vâng lời, thực hành bốn tháng thử thách. Qua bốn tháng, các Tỳ-kheo thấy vừa ý, liền cho thọ giới Cụ túc. Sau khi thọ Cụ Túc, ông bèn đi đến chỗ Thế Tôn cúi đầu đánh lễ dưới chân, rồi đứng hầu một bên. Bấy giờ, có nhiều Tỳ-kheo đến chỗ Phật, cúi đầu đánh lễ dưới chân, rồi đứng qua một bên, thưa như sau: “Bạch Thế Tôn! Con đã chứng đắc, đời sống của con đã kết thúc, phạm hạnh đã thành, không còn phải tái sinh nữa”. Họ nói như thế xong, liền cúi đầu đánh lễ dưới chân Phật rồi ra đi.

Khi các Tỳ-kheo ấy vừa ra đi, thì Tu-thâm-ma đến đánh lễ chân Phật, rồi đi tới các Tỳ-kheo ấy thăm hỏi. Hỏi thăm xong, bèn đứng qua

một bên, hỏi các Tỳ-kheo: “Thưa Trưởng lão, vừa rồi ở trước Phật, thầy tự nói là mình đã chứng đắc, đời sống đã kết thúc, phạm hạnh đã thành, không còn tái sinh nữa, có phải thế không?”. Các Tỳ-kheo đáp: “Đúng như vậy”. Thế rồi Tu-thâm-ma lại hỏi: “Thưa Trưởng lão, biết như vậy thấy như vậy, được thiên nhân thanh tịnh, thấy chúng sinh chết chỗ này, sinh chỗ kia, người đẹp, kẻ xấu, thiện thú, ác thú, thấy chúng sanh thân làm ác, miệng nói ác, ý nghĩ ác, phỉ báng Hiền Thánh, tự làm việc tà kiến, dạy người làm theo tà kiến, thân hoại mạng chung đọa vào ba đường ác. Lại thấy chúng sanh thân làm thiện, miệng nói thiện, ý nghĩ thiện, tự mình làm theo chánh kiến rồi dạy người làm theo chánh kiến, đến khi thân hoại, mạng chung, sinh vào cõi thiện, trên cõi trời, trong cõi người, thiên nhân thanh tịnh hơn người như thế, Trưởng lão có được

không?”. Thầy đáp: “Không được”. Ông lại hỏi: “Tôn giả được Túc mạng trí biết như vậy, thấy như vậy, biết quá khứ một đời, hai đời, ba đời, bốn đời, năm đời, mười đời, một trăm đời, một ngàn đời, cho đến kiếp thành, kiếp hoại, danh tánh, chủng tộc, chết nơi đây, sinh chỗ kia, chết chỗ kia, sinh chỗ này, vô số sự việc trong các kiếp như thế, Trưởng lão có biết không?”. Thầy đáp: “Không biết”. Ông lại hỏi: “Ly sắc, quá sắc, vô sắc, tịch diệt, giải thoát, thân chứng cụ túc an trú, các loại giải thoát như vậy, Trưởng lão có được không?”. Thầy đáp: “Không được”.

Tu-thâm-ma nói: “Vừa rồi tôi hỏi về các pháp thì Trưởng lão đều nói là không được. Thế thì vì sao trước mặt Thế Tôn Trưởng lão tự nói là mình đã chứng đắc, đời sống của mình đã kết thúc, phạm hạnh đã thành, không còn tái sinh, vậy ai mà tin nổi?”.

Các Tỳ-kheo đáp: “Này Trưởng lão, chúng tôi là những người được giải thoát bằng trí tuệ”.

Tu-thâm-ma nói: “Trưởng lão nói giản lược quá, nghĩa chưa rõ, xin nói lại rõ hơn”.

Tỳ-kheo nói: “Tuy nghĩa chưa rõ, nhưng tôi tự biết mình là người đã giải thoát nhờ trí tuệ”.

Khi Tu-thâm-ma nghe các Tỳ-kheo nói như thế, liền suy nghĩ: “Ta nên đến chỗ Thế Tôn hỏi về việc này, Thế Tôn giải đáp như thế nào thì ta hãy nghi nhận như vậy”. Suy nghĩ thế rồi, thầy từ chỗ ngồi đứng dậy đi đến chỗ Phật, cúi đầu đánh lễ dưới chân, rồi đứng qua một bên, đem việc nêu trên bạch đầy đủ với Thế Tôn, hỏi rằng việc ấy như thế nào?

Phật liền nói với Tu-thâm-ma:

- Tiên pháp trí, hậu tử trí.

- Bạch Thế Tôn! Điều Thế Tôn dạy quá bí ẩn, giản lược, con chưa hiểu.

- Dù người chưa hiểu, nhưng vẫn tiên pháp trí, hậu tử trí.

- Lành thay Thế Tôn, con vẫn chưa hiểu, kính mong Thế Tôn vì con nói rõ thêm.

- Vậy Ta hỏi người, tùy người hiểu như thế nào hãy trả lời Ta. Nay Tu-thâm-ma, ý người nghĩ thế nào, do sinh nên có già chết phải không?

- Đúng như vậy, bạch Thế Tôn.

- Lành thay Tu-thâm-ma, ý người nghĩ sao, do vô minh mà sinh ra các hành phải không?

- Đúng như vậy.

- Lành thay Tu-thâm-ma, ý người nghĩ sao, do sinh duyên diệt nên già chết diệt phải không? Cho đến do vô minh diệt nên các hành diệt phải không?

- Đúng như vậy.

- Lành thay Tu-thâm-ma, nếu Tỳ-kheo sống trong giáo pháp này chánh quán, chánh trí, điều gì phải đạt được thì sẽ đạt được hết phải không?

- Đúng như vậy.

- Người đã biết do sinh nên có già chết phải không?

- Đúng như vậy.

- Do vô minh nên có các hành phải không?

- Đúng như vậy.

- Do sinh duyên diệt nên già bệnh chết ưu bi khổ não, ngũ ấm đều diệt phải không?

- Đúng như vậy.

- Do vô minh diệt nên các hành diệt phải không?

- Đúng như vậy.

Người đã biết các pháp như vậy, người có đạt được thiên nhãn, Túc mạng trí và các sự giải thoát không?

- Không đạt được, bạch Thế Tôn.

- Người tự nói biết các pháp như vậy rồi lại bảo không đạt được các công đức kia, thì ai mà tin được?

- Bạch Thế Tôn! Vì bị vô minh ác tà vây bủa nên con sinh ra tà kiến như vậy. Nay con nghe rõ chánh pháp nơi Thế Tôn nên diệt được ác tà kiến, đạt được pháp nhãn thanh tịnh.

Thế rồi, Tu-thâm-ma cúi đầu đảnh lễ chân Phật, quỳ gối, chấp tay, bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Con xuất gia sống trong chánh pháp của Như Lai với tâm gian trá định trộm giáo pháp, Thế Tôn đại từ xin nhận sự hối lỗi của con.

- Người ngu ngốc như trẻ con, vì muốn trộm chánh pháp của Phật mà xuất gia với tâm gian trá. Nay Ta nhận sự hối lỗi của người. Nay Tu-thâm-ma, ví như có người phạm tội với vua, rồi vua sai lính đem ra phân thân, cắt tai, xẻo mũi, dùng cưa để cưa, dùng dao cắt chặt từng đoạn, lại cho voi chà, ngựa đạp, giết chết bằng các hình thức cực kỳ đau khổ như vậy. Nay người xuất gia với tâm gian trá, vì muốn trộm pháp mà phạm phải tội lỗi, giờ đây Ta nhận sự hối lỗi của người, ở trong pháp của Hiền Thánh, người sẽ được tăng trưởng; từ nay về sau chớ có tái phạm.

Vì Thế Tôn độ Tu-thâm-ma và vì Mục-liên vận dụng thần túc dùng bát chiên-đàn hàng phục ngoại đạo tại Tỳ-xá-ly nên dân chúng càng thêm kính tín, và (Tăng đoàn) được nhiều lợi dưỡng. Do thế, các ngoại đạo lồng lộn phỉ báng Thế Tôn, như trong kinh Tôn đà lợi đã nói rõ: Khi Phật chưa ra đời thì ngoại đạo được các thứ cúng dường, nhưng đến khi Phật ra đời thì tất cả ngoại đạo đều mất hết lợi dưỡng. Vì sao vậy? vì mọi người đều biết rằng pháp Phật thâm diệu, như trong kinh Khổng Tước Điều Bản Sinh đã nói rõ.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn chán sự cúng dường của người đời, nên trở về lại thành Xá-vệ. Đến giờ khát thực, Phật khoác y thường mặc, cầm bát, vào thành Xá-vệ tuần tự khát thực. Rồi sau khi ăn xong, Phật ung dung đi kinh hành, đoạn, thu xếp giường nệm, không nói với Tăng chúng và thị giả, Phật du hành một mình đến nước Kiều-tát-la.

Khi ấy, các Tỳ-kheo liền đến chỗ A-nan, nói với A-nan:

- Thưa Trưởng lão, Đức Thế Tôn sau khi ăn, ung dung đi kinh hành, rồi tự thu xếp giường nệm, không nói với Tăng chúng và thị giả, đơn độc du hành đến nước Kiều-tát-la.

A-nan đáp: “Thưa Trưởng lão, nếu Đức Như Lai Ứng Cúng, Chánh Biến Tri sau khi ăn, ung dung đi kinh hành, rồi tự thu xếp giường nệm, không nói với các Tỳ-kheo và thị giả mà du hành một mình, là vì muốn tìm sự yên lặng, vậy các Tỳ-kheo không nên đi theo Ngài”.

Lúc ấy, Thế Tôn từ nước Kiều-tát-la du hành đến Ba-lợi-da, rừng Ta-la, an trú bên cây Hiền thọ. Đoạn, nói về bảy voi năm trăm con đang du hành. Voi chúa thường đi sau, gặp phải nước đục, cỏ xơ xác, vì thế nó chán ngán đàn voi, nên cũng đơn độc tìm đến cây này. Khi voi chúa trông thấy Phật, nó liền dùng vòi nhỏ cỏ, đập đất cho bằng, lại dùng vòi lấy nước rưới lên đất cho khỏi bụi, đồng thời lấy cỏ mềm trái lên để làm chỗ ngồi. Đoạn nó quỳ gối, mời Phật ngồi lên. Khi thấy Phật ngồi rồi, nó bèn xin được cúng dường Phật ba tháng. Phật biết ý voi chúa, liền nhận sự thỉnh cầu của nó. Nhân việc này, Phật đọc bài tụng:

*“Độc thiện không phải lo,  
Như voi nơi hoang dã.  
Vui trì giới học tập,  
Cần bè bạn làm gì?”.*

Bấy giờ, voi chúa lấy những ngó sen tốt đẹp rửa sạch, rồi dâng lên Thế Tôn, và Thế Tôn đã nhận sự cúng dường của voi chúa suốt ba tháng. Khi ấy, năm trăm Tỳ-kheo vì cả ba tháng không thấy Phật, nên đến chỗ Tôn giả A-nan, thưa:

- Trưởng lão, chúng tôi đã lâu không thấy Phật, cũng không được nghe pháp, nay chúng tôi muốn đến đánh lễ thăm hỏi Thế Tôn để nghe Thế Tôn dạy bảo.

- Các Trưởng lão nên đứng ở đây một lát và đợi tôi trở về.

- Lành thay!

Thế rồi, A-nan liền đi đến chỗ Tôn giả Đại Mục-liên, nói như sau: “Thưa Trưởng lão, năm trăm Tỳ-kheo đến chỗ tôi nói: “Đã lâu ngày không thấy Phật, không được nghe chánh pháp, muốn đến đánh lễ cúng dường Phật và nghe Phật dạy bảo. Trưởng lão hãy quan sát xem Phật đang ở tại đâu?”.

Mục-liên liền nhập định, quan sát hết thủy thế gian, thấy Phật đang ở dưới gốc cây Hiền thọ, tại rừng Ta-la, Ba-lợi-da, nhận sự cúng dường của voi chúa. Thấy thế, thầy bèn hướng đến A-nan, nói bài kệ sau:

*“Rời bỏ hồ hoa sen,  
Thân tươi đẹp đầy đà.  
Mình không bẩn sạch sẽ,  
Sống vui nơi rừng vắng.  
Được cam lồ diệu pháp,  
Tướng hảo, thân sung mãn.  
Tâm trong sạch không bẩn,  
Rời chúng, vui rừng vắng”.*

Khi Mục-liên đọc bài kệ đó rồi, liền nói với Tôn giả A-nan: “Đức Thế Tôn nay đang ở tại Ba-lợi-da, rừng Ta-la, bên cây Hiền thọ, nhận sự cúng dường của voi chúa. Nếu ông muốn đến chỗ Thế Tôn thì bây giờ là đúng lúc”.

Tôn giả A-nan bèn trở về chỗ các Tỳ-kheo, nói như sau:

- Thế Tôn hiện giờ ở Ba-lợi-da, rừng Ta-la, bên cây Hiền thọ, đang nhận sự cúng dường của voi chúa. Giờ đây, chúng ta hãy cùng nhau đến chỗ Thế Tôn, đánh lễ vấn an Ngài.

Các Tỳ-kheo nghe A-nan nói thế, liền cùng nhau đi đến Ba-lợi-da, rừng Ta-la, bên cây Hiền thọ. Khi còn cách Thế Tôn không xa, A-nan nói với các Tỳ-kheo:

- Nay các Trưởng lão, Đức Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến Tri đang ở tại chỗ thanh vắng, chúng ta không nên đến đường đột. Các Trưởng lão nên đứng lại đây một lát, để tôi đi đến trước.

- Lành thay.

A-nan liền đến với Phật. Từ xa trông thấy A-nan đi đến, Phật liền

nói: “Ông đến thật là đúng lúc A-nan, đã lâu ngày ta không gặp ông”. Tôn giả A-nan liền cúi đầu đánh lễ dưới chân Phật, rồi bạch như sau: “Thế Tôn có được ít bệnh, ít khổ não và sống an lạc chăng?”.

- Như Lai ít bệnh, ít khổ não, sống an lạc, đang nhận sự cúng dường của voi chúa. Nay A-nan, các Tỳ-kheo Tăng có được ít bệnh, ít khổ não, sống an lạc hay không? Khất thực không nhọc nhằn, hành đạo đúng pháp đấy chứ?.

- Bạch Thế Tôn! Tỳ-kheo Tăng ít bệnh, ít khổ não, sống an lạc, khất thực không nhọc nhằn, hành đạo đúng pháp. Bạch Thế Tôn! Năm trăm Tỳ-kheo hiện giờ đang đợi ngoài rừng, muốn vào thăm viếng, kính xin Thế Tôn chuẩn thuận.

- Ta cho phép họ vào.

A-nan bèn trở lại chỗ các Tỳ-kheo nói:

- Các Trưởng lão được lợi ích rất lớn, vì Thế Tôn đã cho phép vào thăm.

Các Tỳ-kheo liền theo A-nan, cùng đến chỗ Phật, cúi đầu đánh lễ chân Phật, rồi đứng qua một bên. Bấy giờ, trong số ấy có một Tỳ-kheo suy nghĩ như sau: “Làm thế nào mà Tỳ-kheo biết như thật, thấy như thật và lần lượt đoạn tận các lậu hoặc?”. Tuy thầy âm thầm suy nghĩ như thế, nhưng không dám hỏi Phật.

Đức Thế Tôn biết được những suy nghĩ trong tâm của vị Tỳ-kheo ấy, nên nói với A-nan: “Trong số người này có một Tỳ-kheo suy nghĩ như sau: “Làm thế nào để một Tỳ-kheo biết như thật, thấy như thật, lần lượt đoạn tận các lậu hoặc?”. Tuy thầy âm thầm suy nghĩ như thế, nhưng không dám hỏi. Nay A-nan, trước đây Ta đã vì các Tỳ-kheo nói về cách quán tưởng ấm, giới, nhập và mười hai nhân duyên; nếu Tỳ-kheo biết như thật, thấy như thật, thì đoạn tận được các lậu hoặc”.

Vị Tỳ-kheo ấy nghe Thế Tôn nói thế, liền suy nghĩ: “Vật chất (sắc) là ta”.

Lúc đó, Thế Tôn biết được những suy nghĩ trong lòng của Tỳ-kheo ấy, liền nói với A-nan: “Thầy Tỳ-kheo ấy suy nghĩ như sau: “Vật chất là ta”. A-nan nên biết, nếu có Tỳ-kheo quán tưởng thế này: “Vật chất là tất cả các hành, do vô minh, xúc, thọ mà sinh ra ái”, thì này A-nan, ái bắt nguồn từ đâu? Nương tựa vào đâu? Phát sinh từ đâu? Chuyển biến từ đâu?

A-nan nên biết, ái bắt nguồn từ thọ, nương tựa vào thọ, phát sinh từ thọ và chuyển biến từ thọ.

A-nan nên biết, thọ bắt nguồn từ xúc, nương tựa vào xúc, phát

sinh từ xúc và chuyển biến từ xúc.

A-nan nên biết, xúc bắt nguồn từ lục nhập, nương tựa vào lục nhập, phát sinh từ lục nhập và chuyển biến từ lục nhập.

A-nan nên biết, lục nhập là pháp hữu vi, do nhân duyên hòa hợp mà sinh là pháp vô thường hoại diệt; xúc là pháp hữu vi, do nhân duyên hòa hợp mà sinh, là pháp vô thường hoại diệt; thọ là pháp hữu vi, do nhân duyên hòa hợp mà sinh, là pháp vô thường hoại diệt; ái là pháp hữu vi, do nhân duyên hòa hợp mà sinh, là pháp vô thường hoại diệt; hành là pháp hữu vi, do nhân duyên hòa hợp mà sinh, là pháp vô thường hoại diệt; vô minh là pháp hữu vi, do nhân duyên hòa hợp mà sinh, là pháp Vô thường hoại diệt. Như vậy đó A-nan. Nếu Tỳ-kheo biết như vậy, thấy như vậy, thì sẽ lần lượt đoạn tận hữu lậu”.

Vị Tỳ-kheo ấy, nghe nói thế, bèn suy nghĩ: “Vật chất chẳng phải là ta, vật chất là sở hữu của ta”.

Phật biết được, những suy nghĩ trong lòng của Tỳ-kheo ấy, liền nói với A-nan: “Thầy Tỳ-kheo ấy nghĩ thế này: “Vật chất chẳng phải là ta, vật chất là sở hữu của ta”.

A-nan nên biết, nếu Tỳ-kheo quán tưởng như sau: “Vật chất là tất cả các hành, do vô minh, xúc, thọ mà sinh ra ái, vậy ái bắt nguồn từ đâu? Nương tựa vào đâu? Phát sinh từ đâu? Chuyển biến từ đâu?”.

A-nan nên biết, ái bắt nguồn từ thọ, nương tựa vào thọ, phát sinh từ thọ và chuyển biến từ thọ, cho đến vô minh hữu vi hành (là sự vận hành của pháp hữu vi), do nhân duyên hòa hợp mà sinh, là pháp vô thường hoại diệt”.

Vị Tỳ-kheo ấy nghe nói thế, liền suy nghĩ: “Vật chất không phải là ta, cũng không phải sở hữu của ta, mà trong ta có vật chất”.

Phật biết những suy nghĩ trong lòng của Tỳ-kheo ấy: (cho đến) vô minh là sự vận hành của hữu vi, do nhân duyên hòa hợp mà sinh, là pháp vô thường biến hoại.

Vị Tỳ-kheo ấy nghe nói thế, liền suy nghĩ: “Vật chất chẳng phải là ta, chẳng phải là sở hữu của ta, cũng chẳng phải trong ta có vật chất, hay trong vật chất có ta”.

Phật biết được những suy nghĩ trong lòng của Tỳ-kheo ấy: (cho đến) vô minh là sự vận hành của hữu vi, do nhân duyên hòa hợp mà sinh, là pháp vô thường biến hoại.

Vị Tỳ-kheo ấy nghe nói thế, liền suy nghĩ: “Nếu vật chất chẳng phải là ta, chẳng phải sở hữu của ta, chẳng phải trong ta có vật chất, cũng chẳng phải trong vật chất có ta; (Vậy chắc) thọ là ta, tưởng, hành,



thức cũng như vậy. Nếu năm ấm chẳng phải là ta, chẳng phải sở hữu của ta, chẳng phải trong ta có năm ấm, chẳng phải trong năm ấm có ta; vậy thì vì sao mà có ta?”.

Phật nói với A-nan: “Nếu quán tưởng như vậy về năm ấm, tất cả các hành, do vô minh, xúc, thọ sinh ra ái, thì này A-nan, ái bắt nguồn từ đâu? Nướng tựa vào đâu? Phát sinh từ đâu? Chuyển biến từ đâu? Này A-nan, ái bắt nguồn từ thọ, nướng tựa vào thọ, phát sinh từ thọ và chuyển biến từ thọ.

A-nan nên biết, thọ bắt nguồn từ xúc, nướng tựa vào xúc, phát sinh từ xúc và chuyển biến từ xúc.

A-nan nên biết, xúc bắt nguồn từ lục nhập, nướng tựa vào lục nhập, phát sinh từ lục nhập và chuyển biến từ lục nhập.

A-nan nên biết, lục nhập là sự vận hành của hữu vi, do nhân duyên hòa hợp mà sinh, là pháp vô thường biến hoại, (cho đến) vô minh là sự vận hành của hữu vi, do nhân duyên hòa hợp mà sinh, là pháp vô thường biến hoại, như vậy đó A-nan. Nếu Tỳ-kheo biết như vậy, quán tưởng như vậy, thì lần lượt sẽ đoạn tận hữu lậu.

Vị Tỳ-kheo ấy nghe nói thế, liền được pháp nhãn thanh tịnh. Rồi thầy suy nghĩ: “Tất cả các pháp đều vắng lặng, không có ta, không có sở hữu của ta”.

Phật nói với A-nan: “Thầy Tỳ-kheo ấy trong khi suy nghĩ như thế, thì không thọ nhận bất cứ pháp nào, đoạn tận các lậu hoặc và tâm được giải thoát”.

Trong khi Phật vì Tỳ-kheo ấy thuyết về pháp đó thì năm trăm Tỳ-kheo tâm được giải thoát, đều thành La-hán.

Thế rồi, Đức Thế Tôn cùng sống với các Tỳ-kheo, lúc ấy vào tháng mùa thu, gặp cơn mưa lạnh thành linh các Tỳ-kheo đem đốt một khúc cây lớn rỗng ruột. Nhưng trong cây ấy vốn có một con rắn lớn. Vì bị lửa nóng nên nó chui ra, ngẩng đầu lên, đuổi theo các Tỳ-kheo. Do đó, các Tỳ-kheo kêu gọi nhau om sòm: “Rắn bò ra, rắn bò ra”. Lúc ấy, Phật biết nhưng vẫn hỏi các Tỳ-kheo: “Vì sao mà kêu la om sòm như thế?”.

- Bạch Thế Tôn! Vì bị cơn mưa lạnh thành linh các Tỳ-kheo niên thiếu đem đốt một cây rỗng ruột. Trong cây ấy có con rắn, do bị lửa nóng nên nó bò ra đuổi các Tỳ-kheo. Các Tỳ-kheo thấy vậy nên mới kêu gọi nhau om sòm như thế.

- Đi gọi các Tỳ-kheo ấy đến đây.

Khi họ đến rồi, Phật bèn nói với các Tỳ-kheo: “Đốt lửa có bảy sự

tai hại, đó là:

1. Làm hư mắt.
2. Làm hư nhan sắc.
3. Làm cho thân tiều tụy.
4. Y phục bị dơ bẩn, hư hại.
5. Làm hư hỏng giường nệm.
6. Sinh ra cơ hội phạm giới.
7. Làm tăng thêm sự bàn tán về chuyện đời.

Có bảy điều tai hại như thế, nên từ nay về sau, Ta không cho phép đốt lửa”.

Lại nữa, khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, nói rộng như trên. Đức Thế Tôn vì năm việc lợi ích nên cứ năm hôm đi quan sát phòng của các Tỳ-kheo một lần, Ngài thấy một Tỳ-kheo bị bệnh ghẻ ngứa, Phật biết nhưng vẫn hỏi:

- Nay Tỳ-kheo, có dễ chịu không? Không khổ đấy chứ?

- Con bị bệnh ghẻ ngứa không được vui, nếu được hơ lửa thì thấy dễ chịu, nhưng Thế Tôn chế giới không cho đốt lửa, nên không được dễ chịu.

- Từ nay về sau, Ta cho phép Tỳ-kheo bị bệnh được phép đốt lửa.

Lại nữa, khi Phật trú tại thành Xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, các Tôn giả Nan-đề, Kim-tỳ-lô, Bạt-đề an cư tại núi tháp vừa xong, bèn đi đến thành Xá-vệ để đánh lễ thăm viếng Thế Tôn. Thấy các vị mặc áo bị thấm mưa, màu nhuộm phai lạt, Phật biết mà vẫn hỏi:

- Nay các Tỳ-kheo, vì sao lại mặc áo bị thấm nước mưa (màu phai lạt)?

- Bạch Thế Tôn! Vì Thế Tôn chế giới không được đốt lửa, nên chúng con không dám nấu thuốc nhuộm để nhuộm lại.

- Từ nay về sau, khi có lý do chính đáng (thì được đốt lửa).

Thế rồi Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại thành Xá-vệ phải tập hợp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

***- Nếu Tỳ-kheo không có bệnh mà tự đốt cỏ, cây, phân bò, hoặc sai người khác đốt, thì phạm Ba-dạ-đề, ngoại trừ có lý do chính đáng.***

#### ***Giải Thích:***

Tỳ-kheo: Như trên đã nói.

Bệnh: Như ghẻ lở, ghẻ ngứa, lác, bệnh phong... có các loại bệnh

cần đến lửa như vậy mới dễ chịu, thì cho phép đốt lửa.

Cỏ: Tất cả các thứ cỏ và lau, sậy, trúc...

Cây: Tất cả các loại cây hoặc đã bị đốn chặt, hoặc còn nguyên vẹn.

Phân bò: Hoặc tự mình đốt, hoặc sai người đốt, ngoại trừ có lý do chính đáng thì Thế Tôn bảo không có tội.

Lý do: Hoặc trực nguyệt (chịu trách nhiệm trong tháng), hoặc phải chăm sóc việc ăn uống, hoặc đến phiên mình phải đốt lửa, đốt đèn, hoặc đốt lò sưởi cho ấm trong phòng, hoặc đốt lửa cho Hòa thượng, A-xà-lê, hoặc đun nước nóng, hoặc xông bát, hoặc nhuộm y... đốt lửa thì không có tội. Nếu không có lý do thì phạm Ba-dạ-đề.

Ba-dạ-đề: Như trên đã nói.

Nếu cầm cây củi có lửa để trên đồng củi, trên cỏ, trên phân bò, trên ghế gỗ, trên đồng rác thì phạm Ba-dạ-đề. Như vậy, cho đến nếu cầm nắm rác có lửa để trên củi, trên cỏ, trên phân bò, trên ghế gỗ cũng như vậy.

Nếu Tỳ-kheo giẫm trên đồng lửa bằng cỏ cây, có cái đã cháy, có cái chưa cháy, thì phạm Ba-dạ-đề.

Nếu giẫm trên lửa làm cho lửa văng ra mà chưa cháy đất, thì phạm tội Việt-tỳ-ni (?). (Khi ấy) được cầm cây sắt, gạch, ngói mà đập đồng lửa thì không có tội.

Nếu cầm lửa xoay thành vòng tròn thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Nếu Tỳ-kheo ngắt cỏ ném về phía lửa hoặc ném trên lửa, thì tùy ngắt bao nhiêu cộng, phạm bấy nhiêu tội Ba-dạ-đề.

Nếu đốt cháy cây cỏ thì phạm Ba-dạ-đề.

Nếu đốt cháy thân cây nảy mầm thì phạm hai tội Ba-dạ-đề. Vì phạm tội đốt lửa và làm hại mầm cây.

Nếu vì muốn phá (vật gì đó), hoặc hỏa tịnh (dùng lửa đốt đồ ăn để đồ ăn hợp lệ), hoặc vì lý do chính đáng mà đốt thì không có tội.

Nếu đốt bụi lúa đã có hạt hoặc bông lúa đã có hạt thì phạm hai tội Ba-dạ-đề. Một tội đốt lửa và một tội làm hại mầm sống. Nhưng nếu cần dùng lửa để tác tịnh (như nghĩa hỏa tịnh) hoặc có lý do mà đốt, thì không có tội.

Nếu đốt tóc, đốt lông ngựa, lông lạc đà... thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu đốt da thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu đốt bánh thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu đốt thuốc độc và than thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu ăn không tiêu được dùng miếng sắt nung nóng áp trên bụng,

---

thì không có tội.

Nếu dùng giày da giẫm trên lửa thì phạm tội Việt-tỳ-ni.  
Thế nên nói (như trên).